



MARKET INSIGHTS REPORTS

25.07.2024

BCM VÀ REE LIỆU CÓ PHẢI LÀ NHÓM VỐN
CỔ PHIẾU VỐN HÓA LỚN ĐẦU TIÊN VƯỢT
ĐỈNH



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Thanh khoản thu hẹp tại ngưỡng hỗ trợ - Tín hiệu không quá tiêu cực
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Bảng cân đối của ECB đang thu hẹp
Các lần can thiệp đồng Yên của chính phủ Nhật
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số Russell 2000 tăng điểm còn Nasdaq giảm điểm.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

| | |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch | 500 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0 |
| Số cổ phiếu tăng giá | 131 |
| Số cổ phiếu giảm giá | 294 |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá | 75 |

HNX

| | |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch | 222 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0 |
| Số cổ phiếu tăng giá | 58 |
| Số cổ phiếu giảm giá | 103 |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá | 61 |

UPCOM

| | |
|--------------------------------|-----|
| Tổng số cổ phiếu giao dịch | 355 |
| Số cổ phiếu không có giao dịch | 0 |
| Số cổ phiếu tăng giá | 171 |
| Số cổ phiếu giảm giá | 99 |
| Số cổ phiếu giữ nguyên giá | 85 |

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

| | Mua | Bán | Mua-Bán |
|----------------------|-----------|-----------|-------------|
| Khối lượng | 51,785.11 | 68,979.21 | (17,194.10) |
| % KL toàn thị trường | 10.69% | 14.24% | |
| Giá trị | 1,659,974 | 2,149,324 | (489,350) |
| % GT toàn thị trường | 14.16% | 18.34% | |

HNX

| | Mua | Bán | Mua-Bán |
|----------------------|----------|----------|----------|
| Khối lượng | 1,111.27 | 1,233.00 | (121.73) |
| % KL toàn thị trường | 10.69% | 14.24% | |
| Giá trị | 37,208 | 29,463 | 7,745 |
| % GT toàn thị trường | 4.75% | 3.76% | |

UPCOM

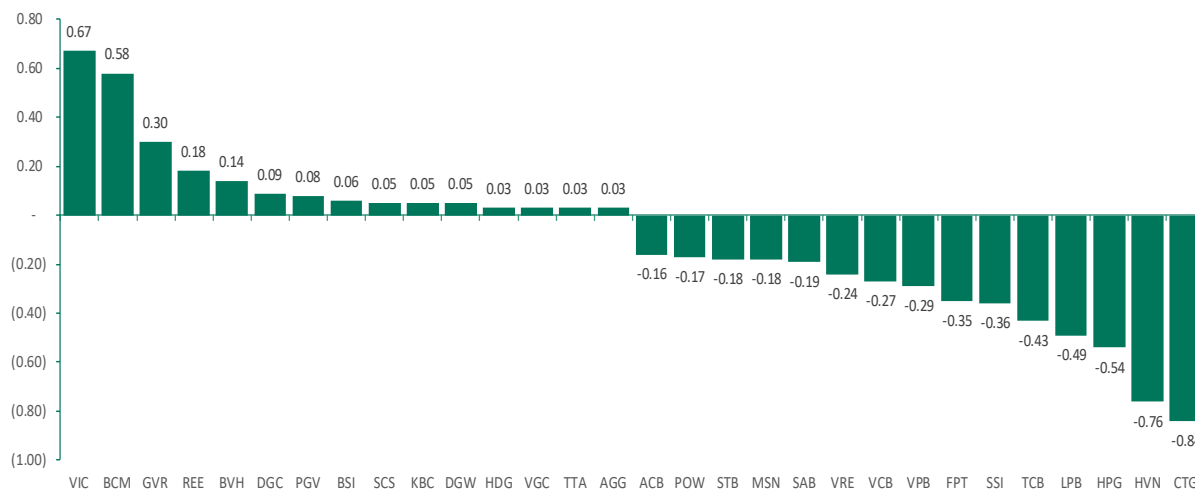
| | Mua | Bán | Mua-Bán |
|----------------------|--------|--------|---------|
| Khối lượng | 589.34 | 297.20 | 292.14 |
| % KL toàn thị trường | 1.84% | 0.93% | |
| Giá trị | 28,179 | 19,185 | 8,994 |
| % GT toàn thị trường | 5.17% | 3.52% | |

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

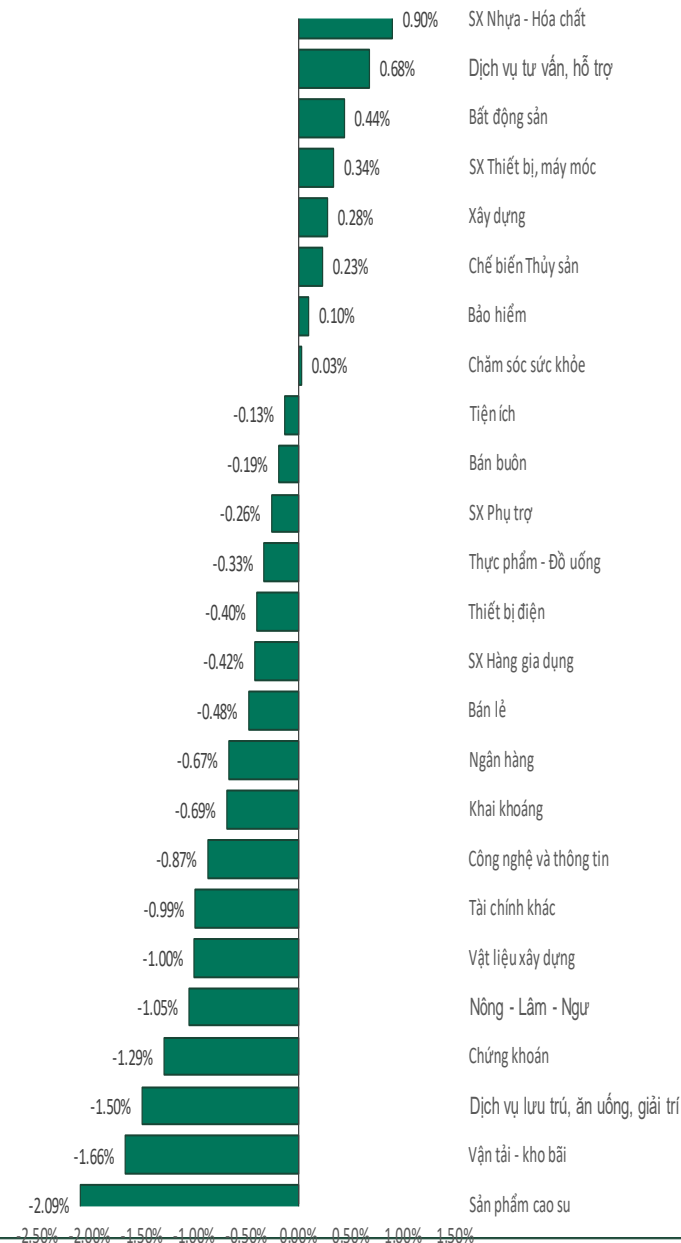
TOP 10 VỐN HÓA

| STT | Mã CK | KL | Giá | Thay đổi | P/E | P/B | EPS | Vốn hóa |
|-----|-------|------------|---------|-----------------|-------|------|-------|---------|
| 1 | VCB | 881,000 | 87,300 | -200 (-0.23%) | 14.13 | 2.81 | 6,180 | 487,928 |
| 2 | BID | 1,465,000 | 46,000 | -100 (-0.22%) | 11.03 | 2.03 | 4,171 | 262,220 |
| 3 | FPT | 2,563,400 | 125,000 | -1,000 (-0.79%) | 22.25 | 5.57 | 5,618 | 182,556 |
| 4 | GAS | 490,600 | 76,800 | -200 (-0.26%) | 14.98 | 2.60 | 5,127 | 176,390 |
| 5 | HPG | 13,319,700 | 27,350 | -350 (-1.26%) | 17.08 | 1.51 | 1,601 | 174,937 |
| 6 | CTG | 6,106,000 | 31,550 | -650 (-2.02%) | 7.78 | 1.30 | 4,056 | 169,423 |
| 7 | VHM | 6,224,500 | 37,800 | -50 (-0.13%) | 7.08 | 0.80 | 5,341 | 164,595 |
| 8 | TCB | 8,303,700 | 22,750 | -250 (-1.09%) | 3.73 | 0.58 | 6,098 | 160,274 |
| 9 | VIC | 4,336,200 | 41,600 | 700 (1.71%) | 43.56 | 0.98 | 955 | 159,064 |
| 10 | VPB | 10,459,200 | 18,350 | -150 (-0.81%) | 11.99 | 1.02 | 1,531 | 145,587 |

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



BCM và REE liệu có phải là nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đầu tiên vượt đỉnh ?

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng giảm 5.28 điểm (- 0.43%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Sản xuất nhựa hóa chất, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, bất động sản, sản xuất thiết bị máy móc, xây dựng, chế biến thủy sản, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như GVR, DGC, DPM, NTP, CSV, BFC, DPR, LAS, TV2, VIC, BCM, HDG, CEO, KBC, IJC, NAG, CTB, REE, VHC, ANV, CMX, BVH, BIC, TNH, DCL... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) BFC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sau khi lập lại khoảng trống giá thiết lập ngày 9/7/2024 cổ phiếu đã tăng giá trở lại – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Sóng 5 mở rộng có thể hướng tới mục tiêu giá 51;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 50%;

(ii) VIC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VIC đang ở sóng 5 giảm giá và dường như đang thiết lập mô hình đáy vòng. Một Break out khỏi vùng giá 45 sẽ xác nhận xu hướng tăng giá quay trở lại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(iii) BCM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 75 – 81;
- ✓ Chúng tôi kỳ vọng đây là cổ phiếu lớn vượt đỉnh tháng 4 đầu tiên;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(iv) REE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Three Outside Up Pattern”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Hỗ trợ sóng 4 giảm giá là vùng giá 65;
- ✓ Mục tiêu giá sóng 5 là vùng giá 82;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Sản phẩm cao su, vận tải kho bãi, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, chứng khoán, nông lâm ngư, vật liệu xây dựng, tài chính khác, khai khoáng... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như CSM, SRC, HVN, GMD, STG, OCH, NVT, DSN, DAH, SSI, VND, HCM, VCI, SHS, MBS, VIX, HAG, VIF, HNG, HPG, HSG, VCS, NKG, IPA, TVC, KSV, KSB, PVC, TMB... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Mô hình giá tiêu cực khi có Break Down khối lượng lớn và đây là mô hình giá xuống;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(ii) HPG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MA(20) cắt xuống MA(50) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Giá xuống thấp hơn MA(50) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại là MA(200) tương ứng với vùng giá 26;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) PVC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang vào vùng quá bán – Tín hiệu tăng đối kháng có thể xuất hiện;
- ✓ Trong 4 phiên giao dịch gần nhất, PVC chưa thiết lập đáy mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(iv) KSB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang ở vùng quá bán và quanh khu vực hỗ trợ 17 -18 – Tín hiệu tăng đối kháng có thể xuất hiện;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(v) VIX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Hỗ trợ giá hiện tại là vùng 12 – 14;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small White Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực;

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 522 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: SBT, FPT, BID, PVS, FUESSVFL, SCS, E1VFN30, HAH, BSR, BVH... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: SSI, TLG, VHM, HPG, MWG, VPB, DXG, PDR, TCB, VIX ... Khối ngoại hiện tại mua bán ròng đan xen chứ không bán ròng 1 chiều như giai đoạn trước. Tuy nhiên, về cơ bản thanh khoản thị trường đang có xu hướng giảm mạnh. Xu hướng bán ròng có thể được đảo chiều nếu FED sớm cắt giảm lãi suất trong tháng 9/2024. Chúng tôi thấy dòng vốn hóa nhỏ bên Mỹ vốn là nhóm cổ phiếu đại diện cho sự nhạy cảm trong việc giảm lãi suất bắt đầu tăng giá tốt trong giai đoạn vừa qua có thể là một kỳ vọng cho sự thay đổi lãi suất của FED.

(ii) Với 2 cây nến xanh hồi phục khi chạm kênh giá xuống thì đây cũng là tín hiệu tích cực ngắn hạn. Việc thanh khoản thị trường thu hẹp cũng là tín hiệu tốt bởi quá khứ cho thấy mỗi lần tạo đáy VN-Index thường có 4 – 5 phiên giao dịch thanh khoản thấp tại ngưỡng hỗ trợ. Nó cũng phản ánh một phần bên cung chưa bán bằng mọi giá. Như vậy, với nhà đầu tư thận trọng nên chờ đợi các giao dịch xác nhận của thị trường .

(iii) Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống cùng với việc chúng ta hình thành sóng giảm giá cấu trúc là tín hiệu cảnh báo rủi ro mạnh mẽ lúc này. Nếu xuất hiện 1 cây nến giảm mạnh với khối lượng lớn thì về mặt kỹ thuật, nhà đầu tư nên tiếp tục giảm tỷ trọng danh mục và quản trị rủi ro.

(iv) Sự phục hồi của nhóm cổ phiếu bất động sản sau khi chạm khu vực quá bán cũng giả tỏa áp lực phần nào cho thị trường cho thấy nhóm tiêu cực nhất đã ngừng giảm. Ngoài ra, chúng ta cũng thấy nhóm vận tải biển như VOS, HAH hay sự tăng giá của REE (Một cổ phiếu ngày xưa hay có truyền thống tạo đáy trước là tín hiệu tích cực ban đầu). Tuy nhiên, tổng thể chúng ta vẫn đang trong giai đoạn quan sát thị trường hơn là hành động vội vàng.

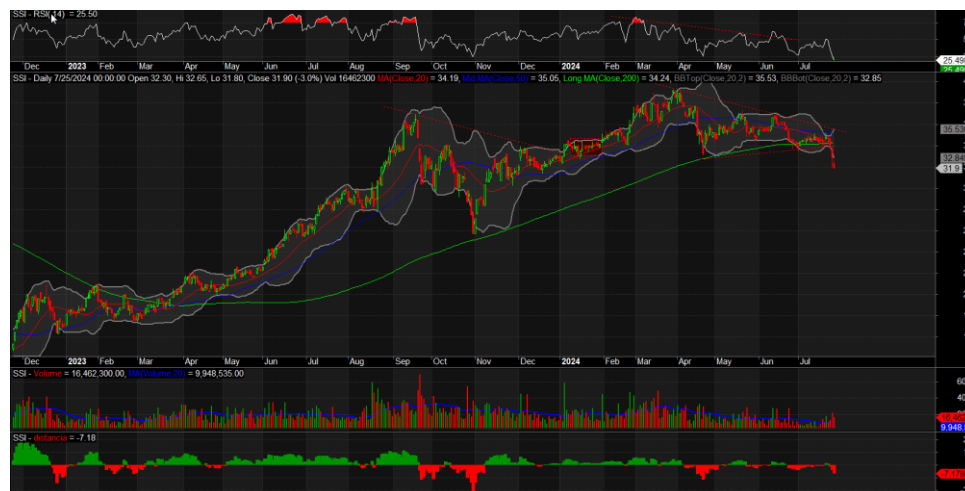
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 02 mã cho tín hiệu mua, 09 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. VIC, SSB...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 53% và 63.63% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,200 điểm và kháng cự là 1,250 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ kỹ thuật cổ phiếu SSI



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

| Ticker | Pivot | BC | TC | NarrowRange | R1 | R2 | R3 | R4 | S1 | S2 | S3 | S4 |
|----------|---------|---------|---------|-------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| HNX30 | 512.25 | 511.56 | 512.94 | NO | 516.91 | 520.19 | 524.85 | 528.13 | 508.97 | 504.31 | 501.03 | 496.37 |
| HNXINDEX | 235.19 | 235.16 | 235.22 | YES | 236.34 | 237.43 | 238.58 | 239.67 | 234.1 | 232.95 | 231.86 | 230.71 |
| UPINDEX | 94.34 | 94.26 | 94.43 | YES | 94.78 | 95.05 | 95.49 | 95.76 | 94.07 | 93.63 | 93.36 | 92.92 |
| VN30 | 1271.18 | 1270.69 | 1271.68 | YES | 1276.49 | 1280.79 | 1286.1 | 1290.4 | 1266.88 | 1261.57 | 1257.27 | 1251.96 |
| VNINDEX | 1231.69 | 1230.94 | 1232.44 | YES | 1237.17 | 1241.16 | 1246.64 | 1250.63 | 1227.7 | 1222.22 | 1218.23 | 1212.75 |
| VNXALL | 2040.13 | 2039.97 | 2040.29 | YES | 2052.35 | 2064.26 | 2076.48 | 2088.39 | 2028.22 | 2016 | 2004.09 | 1991.87 |
| VN30F1M | 1275.47 | 1274.9 | 1276.03 | YES | 1280.33 | 1284.07 | 1288.93 | 1292.67 | 1271.73 | 1266.87 | 1263.13 | 1258.27 |
| VN30F1Q | 1277.1 | 1276.15 | 1278.05 | YES | 1282.2 | 1285.4 | 1290.5 | 1293.7 | 1273.9 | 1268.8 | 1265.6 | 1260.5 |
| VN30F2M | 1277.07 | 1277.35 | 1276.78 | YES | 1280.13 | 1283.77 | 1286.83 | 1290.47 | 1273.43 | 1270.37 | 1266.73 | 1263.67 |
| VN30F2Q | 1278.1 | 1276.2 | 1280 | NO | 1285.7 | 1289.5 | 1297.1 | 1300.9 | 1274.3 | 1266.7 | 1262.9 | 1255.3 |
| ACB | 24 | 23.97 | 24.03 | NO | 24.2 | 24.35 | 24.55 | 24.7 | 23.85 | 23.65 | 23.5 | 23.3 |
| BID | 45.98 | 45.97 | 45.99 | YES | 46.47 | 46.93 | 47.42 | 47.88 | 45.52 | 45.03 | 44.57 | 44.08 |
| BCM | 68.23 | 67.8 | 68.67 | NO | 70.77 | 72.43 | 74.97 | 76.63 | 66.57 | 64.03 | 62.37 | 59.83 |
| BVH | 42.95 | 42.83 | 43.08 | NO | 43.75 | 44.3 | 45.1 | 45.65 | 42.4 | 41.6 | 41.05 | 40.25 |
| CTG | 31.65 | 31.7 | 31.6 | NO | 31.9 | 32.25 | 32.5 | 32.85 | 31.3 | 31.05 | 30.7 | 30.45 |
| FPT | 124.87 | 124.8 | 124.93 | YES | 125.63 | 126.27 | 127.03 | 127.67 | 124.23 | 123.47 | 122.83 | 122.07 |
| GAS | 76.73 | 76.7 | 76.77 | YES | 77.07 | 77.33 | 77.67 | 77.93 | 76.47 | 76.13 | 75.87 | 75.53 |
| GVR | 32.7 | 32.55 | 32.85 | NO | 33.35 | 33.7 | 34.35 | 34.7 | 32.35 | 31.7 | 31.35 | 30.7 |
| HDB | 24.92 | 24.85 | 24.98 | NO | 25.18 | 25.32 | 25.58 | 25.72 | 24.78 | 24.52 | 24.38 | 24.12 |
| HPG | 27.43 | 27.47 | 27.39 | NO | 27.57 | 27.78 | 27.92 | 28.13 | 27.22 | 27.08 | 26.87 | 26.73 |
| MBB | 23.85 | 23.8 | 23.9 | NO | 24.2 | 24.45 | 24.8 | 25.05 | 23.6 | 23.25 | 23 | 22.65 |
| MSN | 71.07 | 71.1 | 71.03 | YES | 71.33 | 71.67 | 71.93 | 72.27 | 70.73 | 70.47 | 70.13 | 69.87 |
| MWG | 60.57 | 60.35 | 60.78 | NO | 61.43 | 61.87 | 62.73 | 63.17 | 60.13 | 59.27 | 58.83 | 57.97 |
| PLX | 46.17 | 46.08 | 46.26 | NO | 46.88 | 47.42 | 48.13 | 48.67 | 45.63 | 44.92 | 44.38 | 43.67 |
| POW | 12.95 | 12.98 | 12.92 | NO | 13.2 | 13.5 | 13.75 | 14.05 | 12.65 | 12.4 | 12.1 | 11.85 |
| SAB | 54.2 | 54.3 | 54.1 | NO | 54.7 | 55.4 | 55.9 | 56.6 | 53.5 | 53 | 52.3 | 51.8 |
| SSB | 21.65 | 21.52 | 21.77 | NO | 22.15 | 22.4 | 22.9 | 23.15 | 21.4 | 20.9 | 20.65 | 20.15 |
| SHB | 11.05 | 11.05 | 11.05 | YES | 11.1 | 11.15 | 11.2 | 11.25 | 11 | 10.95 | 10.9 | 10.85 |
| SSI | 32.12 | 32.22 | 32.01 | NO | 32.43 | 32.97 | 33.28 | 33.82 | 31.58 | 31.27 | 30.73 | 30.42 |
| TCB | 22.73 | 22.72 | 22.74 | YES | 22.92 | 23.08 | 23.27 | 23.43 | 22.57 | 22.38 | 22.22 | 22.03 |
| STB | 28.85 | 28.88 | 28.83 | YES | 29.1 | 29.4 | 29.65 | 29.95 | 28.55 | 28.3 | 28 | 27.75 |
| TPB | 17.83 | 17.85 | 17.82 | YES | 17.97 | 18.13 | 18.27 | 18.43 | 17.67 | 17.53 | 17.37 | 17.23 |
| VCB | 87.4 | 87.45 | 87.35 | YES | 87.6 | 87.9 | 88.1 | 88.4 | 87.1 | 86.9 | 86.6 | 86.4 |
| VHM | 37.88 | 37.92 | 37.84 | NO | 38.22 | 38.63 | 38.97 | 39.38 | 37.47 | 37.13 | 36.72 | 36.38 |
| VIB | 20.88 | 20.92 | 20.84 | NO | 20.97 | 21.13 | 21.22 | 21.38 | 20.72 | 20.63 | 20.47 | 20.38 |
| VIC | 41.68 | 41.72 | 41.64 | NO | 42.52 | 43.43 | 44.27 | 45.18 | 40.77 | 39.93 | 39.02 | 38.18 |
| VJC | 107.43 | 107.2 | 107.67 | NO | 108.37 | 108.83 | 109.77 | 110.23 | 106.97 | 106.03 | 105.57 | 104.63 |
| VNM | 65.53 | 65.5 | 65.57 | YES | 65.77 | 65.93 | 66.17 | 66.33 | 65.37 | 65.13 | 64.97 | 64.73 |
| VPB | 18.38 | 18.4 | 18.37 | YES | 18.47 | 18.58 | 18.67 | 18.78 | 18.27 | 18.18 | 18.07 | 17.98 |
| VRE | 19.95 | 20.08 | 19.83 | NO | 20.2 | 20.7 | 20.95 | 21.45 | 19.45 | 19.2 | 18.7 | 18.45 |

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

| Ticker | Volume | AvgVolume 10 Days | Change % | Daily Returns % |
|------------|----------------|-------------------|----------------|-----------------|
| VIC | 4,336,200 | 2,031,030 | 214 | 1.71 |
| LDG | 3,770,600 | 1,058,320 | 356 | -6.95 |
| NTP | 1,124,900 | 288,620 | 390 | 6.46 |
| GEE | 933,600 | 191,440 | 488 | 3.86 |
| GSP | 466,300 | 219,840 | 212.11 | 0.78 |
| PPT | 356,200 | 153,460 | 232 | 0 |
| DFP | 204,900 | 41,910 | 489 | -1.35 |
| MHC | 131,100 | 51,710 | 253.53 | -1.79 |
| SD9 | 109,800 | 28,180 | 390 | 2.4 |
| GKM | 81,500 | 20,620 | 395 | -0.99 |
| DTA | 80,800 | 6,600 | 1224.24 | 0 |
| VRC | 60,400 | 16,850 | 358 | -6.75 |
| NVT | 39,000 | 6,550 | 595 | -6.99 |
| BTH | 38,900 | 1,680 | 2,315 | 14.85 |
| KSV | 34,300 | 13,610 | 252 | -5.15 |
| VNC | 31,900 | 9,340 | 341.54 | 1.01 |
| L12 | 30,600 | 1,660 | 1,843 | -6.82 |
| DID | 30,000 | 10,760 | 279 | -2.22 |
| SDT | 22,500 | 11,250 | 200 | 0 |
| NST | 22,400 | 10,470 | 214 | -1.75 |
| VOC | 21,600 | 5,960 | 362.42 | -5.68 |
| PVM | 21,500 | 5,300 | 406 | -0.64 |
| DIH | 19,600 | 4,670 | 420 | -1.65 |
| HDM | 19,300 | 9,560 | 202 | 1.59 |
| FUCVREIT | 17,400 | 430 | 4,047 | 0 |
| BWS | 16,300 | 3,000 | 543.33 | 5.02 |
| VBB | 15,900 | 7,070 | 225 | -0.98 |
| QNC | 15,300 | 5,100 | 300 | 5.97 |
| VCX | 13,900 | 5,600 | 248 | 0 |
| FDC | 12,400 | 3,800 | 326 | 0 |
| HVX | 11,700 | 3,800 | 308 | -1.1 |
| VGR | 11,600 | 2,550 | 455 | -1.36 |
| AG1 | 11,100 | 3,220 | 345 | 0 |
| PTI | 10,400 | 2,540 | 409 | 2.36 |
| ASG | 10,400 | 1,110 | 937 | 0 |
| PSP | 9,900 | 2,950 | 336 | 1.01 |
| VSN | 9,400 | 1,440 | 653 | -2.44 |
| SKV | 8,800 | 3,450 | 255 | -0.78 |
| CBI | 8,500 | 3,090 | 275 | 2.15 |
| TOT | 8,400 | 2,330 | 361 | 0 |

- Lưu ý: VIC, LDG, NTP...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

| Ngày khuyến nghị | Mã CK | Khuyến nghị hành động | Giá mua/bán | Hiệu suất sinh lời | Ghi chú |
|------------------|-------|-----------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| 9-Jul | PC1 | Mua | ≤ 32.5 | 10% -20% | Buy Kumo Break out |
| 9-Jul | REE | Mua | ≤ 71 | 10% -20% | Buy Kumo Break out |
| 9-Jul | HCM | Mua | ≤ 29 | 10% -20% | Buy Kumo Break out |

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Với phiên Break Down hôm kia, thị trường đang phát đi tín hiệu xấu về phân tích kỹ thuật;
- Điểm sáng duy nhất là việc Break Down không có khối lượng đi kèm nhưng nhà đầu tư nên đề cao quản trị rủi ro lúc này;
- Các nhà đầu tư nên để các lệnh Trailing Stop với các mã cổ phiếu đã về tài khoản;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 24/07, NHNN giữ nguyên niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.264 VND/USD, tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD và tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.358 VND/USD, giảm 15 đồng so với phiên 23/07. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.650 VND/USD và 25.700 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 24/07, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,06 - 0,14 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó; cụ thể: ON 4,80%; 1W 4,87%; 2W 4,95% và 1M 5,02%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở kỳ hạn ngoại ON trong khi tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn còn lại, giao dịch tại: ON 5,30%; 1W 5,35%; 2W 5,40%, 1M 5,44%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng nhẹ ở kỳ hạn 3Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,91%; 5Y 1,97%; 7Y 2,29%; 10Y 2,79%; 15Y 2,95%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố phiên hôm qua, NHNN chào thầu 14.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,50%. Có 13.999,99 tỷ đồng trúng thầu, có 13.573,48 tỷ đồng đảo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 14 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 1.600 tỷ đồng trúng thầu với lãi suất 4,50%, có 5.050 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 3.876,51 tỷ đồng ra thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường ở mức 79.300 tỷ đồng, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 47.537,3 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

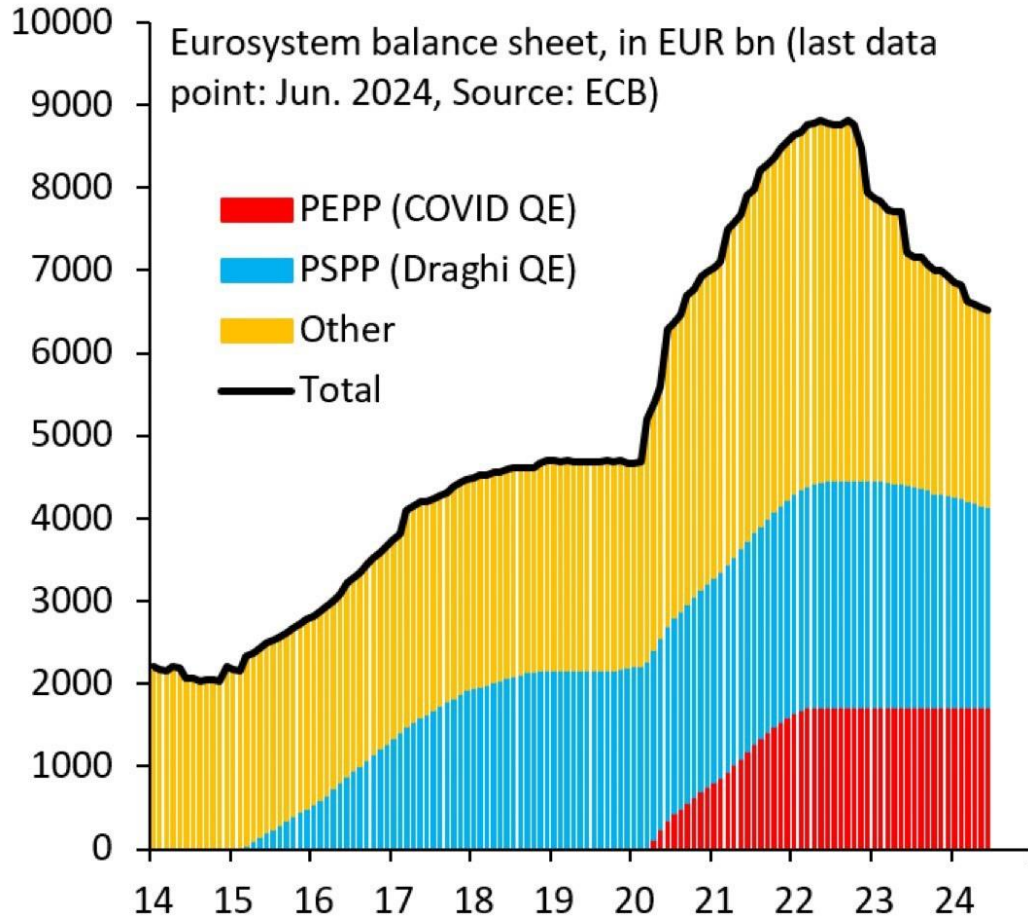
Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

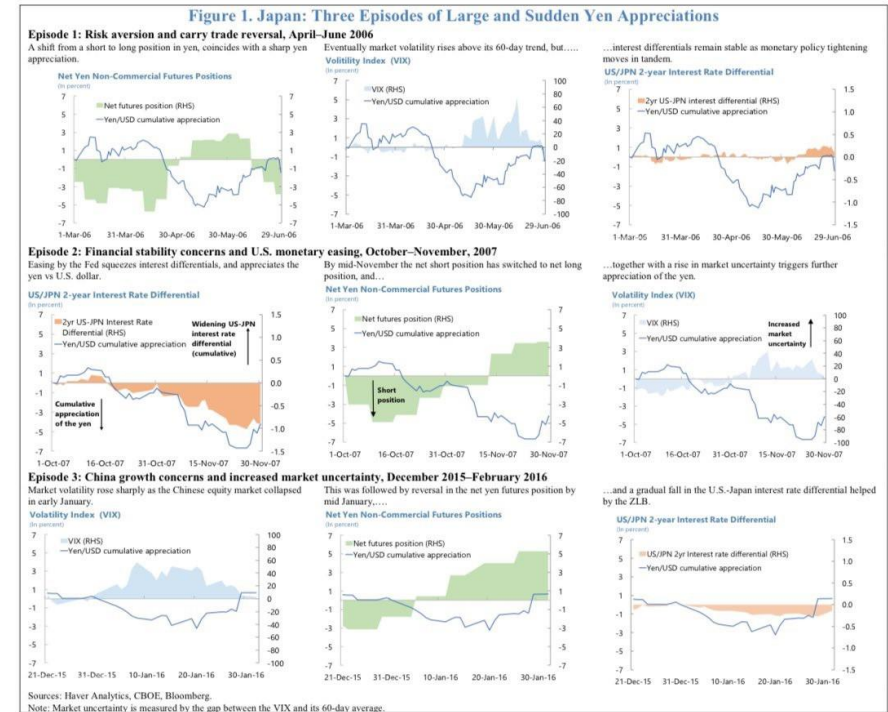
BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



Bảng cân đối của ECB đang thu hẹp



Các lần can thiệp đồng Yên của chính phủ Nhật



Các thống kê cho thấy nhóm vốn hóa nhỏ sẽ có hiệu suất vượt trội trong 1 năm tới ?

Nasdaq sẽ điều chỉnh giảm 20% cho lần điều chỉnh này ?



Nhóm vốn hóa nhỏ có 40% cổ phiếu tạo mức cao mới – Dựa trên thống kê chu kỳ tăng giá sẽ kéo dài 12 tháng tới ?

Russell 2000 after => 40% of stocks make a 3 month high

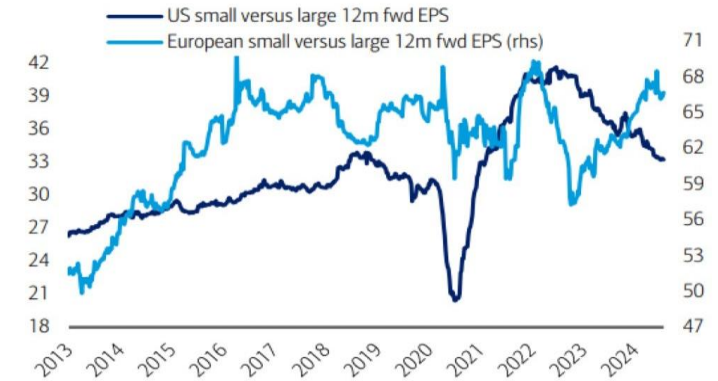
| Dates | 1 week | 2 weeks | 1 month | 2 months | 3 months | 6 months | 12 months |
|------------|--------|---------|---------|----------|----------|----------|-----------|
| 1979-06-21 | 0.4 | 1.3 | 0.3 | 9.1 | 10.8 | 11.2 | 15.6 |
| 1980-01-10 | 2.4 | 4.1 | 7.9 | -5.9 | -13.2 | 3.9 | 28.9 |
| 1980-06-05 | 1.5 | 1.8 | 6.1 | 14.6 | 24.5 | 37.2 | 50.1 |
| 1982-10-11 | 3.8 | 4.5 | 14.8 | 18.1 | 22.9 | 35.9 | 54.6 |
| 1985-01-21 | 2.7 | 4.9 | 8 | 4.3 | 4.2 | 12 | 18.2 |
| 1986-03-12 | 0.3 | 0.7 | 1.7 | 4.2 | 5.5 | -3.3 | 14.3 |
| 1991-02-04 | 4.1 | 5.8 | 12.5 | 17.2 | 17 | 15.9 | 37.4 |
| 2012-02-03 | -2.1 | -0.3 | -5.3 | -1.3 | -4.7 | -5.1 | 8.2 |
| 2016-11-14 | 1.8 | 2.3 | 4.4 | 4.1 | 8.1 | 4.4 | 13.3 |
| 2020-11-09 | 4.7 | 6.6 | 11.6 | 22.6 | 33.9 | 25.2 | 42.4 |
| 2023-12-14 | 0.8 | 1.6 | 1.6 | 6.2 | ?? | ?? | ?? |
| Average | 1.86 | 3.03 | 5.78 | 8.48 | 10.90 | 13.73 | 28.30 |
| Median | 1.80 | 2.30 | 6.10 | 6.24 | 9.45 | 11.60 | 23.55 |
| % higher | 91% | 91% | 91% | 82% | 80% | 90% | 100% |

Source: Pinnacle Data, FinFluential

BofA ước lượng EPS nhóm vốn hóa nhỏ sẽ tăng 25% trong năm 2025

Exhibit 17: But relative EPS has been deteriorating for US small vs. large caps vs. improving for European small vs. large caps

Small vs large 12m forward EPS in US vs. Europe (based on Stoxx 200 small caps vs Stoxx 200 large caps for Europe and S&P 600 vs S&P 500 for US)



Source: Datastream, BofA Global Research – European Equity Strategy

BofA GLOBAL RESEARCH

Đợt điều chỉnh để tiếp tục đi lên của S&P 500

Chart 4: S&P 500 (top) and the Chicago Fed National Financial Conditions Index (bottom): Weekly chart
New cyclical bull market highs for the Chicago Fed National Financial Conditions Index confirm the summer rally to new cyclical bull market and all-time highs on the SPX and other US equity indices.



Source: BofA Global Research, Bloomberg

Kết luận: Dự báo các chỉ số Russell 2000 tăng điểm còn Nasdaq giảm điểm.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

